

Số: /QĐ-UBND

Hướng Hóa, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tiêu chí đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện Hướng Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, trực thuộc tỉnh; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định tiêu chí đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND huyện, thành phố thị xã giai đoạn 2023-2025;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 278/TTr-NV ngày 01/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện Hướng Hóa.

Điều 2. Giao Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, theo dõi việc đánh giá, chấm điểm; tham mưu UBND huyện xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện Hướng Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
- CVP, các PCVP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Bình Thuận

QUY ĐỊNH
Tiêu chí đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ
hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp
thuộc UBND huyện Hướng Hóa
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /_/_/2023
của UBND huyện Hướng Hóa)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định các tiêu chí, phương pháp chấm điểm, quy trình đánh giá và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, tổ chức Hội được giao chỉ tiêu biên chế (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị) thuộc UBND huyện, không bao gồm đơn vị trường học.

Điều 2. Mục đích đánh giá

1. Việc đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị nhằm xác định đúng mức hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu chỉ đạo, điều hành của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện.

2. Thông qua kết quả đánh giá, chấm điểm và xếp loại để phát huy mặt tích cực, khắc phục các mặt hạn chế, yếu kém trong hoạt động chỉ đạo, điều hành quản lý nhà nước và thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Kết quả đánh giá, chấm điểm, xếp loại của các cơ quan, đơn vị là một trong những tiêu chí quan trọng để xét thi đua - khen thưởng và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và công chức lãnh đạo, viên chức quản lý hàng năm.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá

1. Đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ phải căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, đơn vị được quy định tại các văn bản pháp luật của Nhà nước, của tỉnh, của huyện và những công việc được UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao; các nội dung thực hiện theo thông báo kết luận của Chủ tịch UBND huyện, các Phó Chủ tịch UBND huyện; đồng thời xem xét đến yếu tố năng động, sáng tạo, hiệu quả trong tham mưu đề xuất và thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và cải thiện các Chỉ số của huyện.

2. Hàng năm các cơ quan, đơn vị căn cứ quy định về tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ tại Quyết định này và đối chiếu với kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị để tự đánh giá, chấm điểm trên từng tiêu chí quy định, đảm bảo trung thực, chính xác.

Việc tự đánh giá, xếp loại của các cơ quan, đơn vị phải đảm bảo khách quan, khoa học, công khai, công bằng, dân chủ, phản ánh đúng những kết quả đã đạt được

trong năm của cơ quan, đơn vị; đồng thời xác định, làm rõ số lượng, khối lượng công việc chưa hoàn thành trong năm của cơ quan, đơn vị và đề ra giải pháp khắc phục trong năm tiếp theo.

3. Do tính chất đặc thù, một số cơ quan, đơn vị không có một số nhiệm vụ (tại một số tiêu chí) hoặc có thực hiện nhưng không phát sinh nội dung thì không tính điểm và được trừ vào tổng điểm của cơ quan, đơn vị đó.

Chương II

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, PHƯƠNG PHÁP CHẤM ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI

Điều 4. Tiêu chí đánh giá

Tiêu chí đánh giá đối với các cơ quan, đơn vị tại Phụ lục kèm theo của Quy định này.

Điều 5. Phương pháp chấm điểm

1. Thang điểm chấm

- Thang điểm thẩm định/đánh giá năm là 100 điểm, trong đó:

+ Điểm thẩm định/đánh giá theo các tiêu chí: 90 điểm.

+ Điểm cộng: 10 điểm.

- Trường hợp một số cơ quan, đơn vị không có một số nhiệm vụ (tại một số tiêu chí) hoặc có thực hiện nhưng không phát sinh nội dung nêu tại khoản 3, Điều 3 Quy định này thì thang điểm chấm này nhỏ hơn 100 điểm.

2. Phương pháp chấm điểm

a) Căn cứ quy định thang điểm chuẩn của từng tiêu chí, các cơ quan, đơn vị đối chiếu kết quả công việc cơ quan, đơn vị mình đã thực hiện, mức độ hoàn thành nhiệm vụ hoặc chưa hoàn thành để tự chấm điểm cho từng công việc.

b) Các nội dung công việc hoàn thành xuất sắc, nổi bật hoặc có các sáng kiến, giải pháp trong thực hiện nhiệm vụ được giao đã góp phần quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện: Được cộng điểm theo quy định tại khoản 3 Điều này.

c) Trường hợp không triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao; triển khai thực hiện không hiệu quả hoặc cán bộ lãnh đạo, quản lý và công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị vi phạm trong thi hành công vụ, đạo đức, lối sống và các quy định khác của Đảng và Nhà nước, bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên: Bị trừ điểm theo quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Điểm cộng (điểm thưởng)

a) Các cơ quan, đơn vị có thành tích xuất sắc hoặc có sáng kiến, giải pháp mới trong thực hiện nhiệm vụ mang lại hiệu quả cao trong quản lý nhà nước, thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng để giải ngân vốn đầu tư công, cải thiện và nâng cao các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện, cải cách hành chính, hiệu quả quản trị hành chính công, sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, ứng dụng công nghệ

thông tin phát triển chính quyền số, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện được UBND huyện ghi nhận (*mỗi sáng kiến, giải pháp hoặc đề xuất được cộng 03 điểm, tổng điểm cộng không quá 06 điểm*).

b) Các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng và trước hạn 100% tất cả các nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao được cộng 02 điểm.

c) Về giải ngân vốn đầu tư công của năm trước liền kề đối với các đơn vị thực hiện chưa đạt 100% tại thời điểm đánh giá: Đến thời điểm 31/01 của năm sau theo quy định, các đơn vị giải ngân đạt 100% được cộng 02 điểm vào điểm cộng của năm đánh giá.

4. Điểm trừ (điểm phạt)

a) Tham mưu ban hành hoặc ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, bãi bỏ bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền, mỗi văn bản trừ 03 điểm.

b) Cơ quan, đơn vị bị Chủ tịch UBND huyện hoặc cấp có thẩm quyền phê bình, khiển trách, nhắc nhở bằng văn bản trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, mỗi lần trừ 03 điểm.

c) Cơ quan, đơn vị có đơn, thư khiếu nại thuộc thẩm quyền mà không giải quyết hoặc có giải quyết nhưng không kịp thời, không thỏa đáng dẫn đến đơn thư khiếu nại vượt cấp (*trừ đơn, thư nặc danh*) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn, thư khiếu nại phản ánh, mỗi trường hợp trừ 03 điểm, đúng 01 phần trừ 1,5 điểm.

d) Cơ quan, đơn vị không tập trung giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền, dẫn đến có đơn thư khiếu kiện đông người (từ 05 người trở lên) lên cấp huyện, tỉnh, trung ương, mỗi trường hợp trừ 05 điểm.

đ) Cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan và các đơn vị trực thuộc vi phạm trong thi hành công vụ, đạo đức lối sống, những điều đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức không được làm, pháp luật của nhà nước, bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên: Cán bộ lãnh đạo cấp Phòng và tương đương: Mỗi trường hợp trừ 03 điểm; cán bộ, công chức, viên chức còn lại: Điểm trừ tính theo tỷ lệ của mỗi đối tượng.

e) Trong năm, cơ quan, đơn vị có sai phạm phát hiện qua hoạt động thanh tra có kiến nghị xử lý hành chính, xử lý kinh tế thì trừ 05 điểm; chuyển vụ việc sang cơ quan điều tra thì trừ 15 điểm.

f) Các cơ quan, đơn vị không thực hiện tốt việc giải quyết Thủ tục hành chính (TTHC), đề phát sinh hồ sơ TTHC trễ hẹn nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, đúng quy định việc xin lỗi cá nhân, tổ chức bằng văn bản đính kèm lên phần mềm một cửa điện tử trước khi trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân (theo quy định tại Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh) thì trừ 02 điểm.

5. Kết quả điểm đánh giá, xếp loại của các cơ quan, đơn vị là tổng điểm (*gồm điểm chấm theo tiêu chí, điểm cộng, điểm trừ*) sau khi được Hội đồng đánh giá xác định theo từng tiêu chí tại Quy định này.

Điều 6. Xác định kết quả xếp loại

Căn cứ xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị được tính theo tỷ lệ điểm đạt được của cơ quan, đơn vị đã được Hội đồng đánh giá xác định/tổng điểm tối đa của cơ quan, đơn vị.

Mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị được chia làm 04 loại: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ, cụ thể:

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Tỷ lệ điểm đạt được từ 90% trở lên và lấy thứ tự từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu tối đa 40% số cơ quan, đơn vị.

Trường hợp nếu có 02 cơ quan, đơn vị trở lên có điểm bằng nhau ở thứ tự cuối cùng để xét hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo tỷ lệ thì chọn đơn vị có kết quả hoàn thành nhiệm vụ cao hơn; nếu kết quả hoàn thành nhiệm vụ bằng nhau thì chọn điểm các tiêu chí liên quan chỉ số CCHC cao hơn; Trường hợp các tiêu chí liên quan chỉ số CCHC và kết quả hoàn thành nhiệm vụ bằng nhau thì Hội đồng xem xét quyết định.

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Tỷ lệ điểm đạt được từ 80% đến dưới 90%.

3. Hoàn thành nhiệm vụ: Tỷ lệ điểm đạt được từ 60% đến dưới 80%.

4. Không hoàn thành nhiệm vụ: Tỷ lệ điểm đạt được dưới 60%.

Điều 7. Quy định khác

1. Các cơ quan, đơn vị đã được đánh giá, xếp loại nhưng sau đó phát hiện có khuyết điểm hoặc không bảo đảm điều kiện của mức xếp loại thì hủy bỏ kết quả và xếp loại lại của năm xảy ra khuyết điểm.

2. Nếu cơ quan, đơn vị có kết quả xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ vì ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh thì báo cáo UBND huyện xem xét.

Chương III

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ, QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, CHẾ ĐỘ KHEN THƯỞNG VÀ TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU

Điều 8. Hội đồng đánh giá

1. Thành phần Hội đồng đánh giá

Chủ tịch UBND huyện quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị (*sau đây gọi tắt là Hội đồng*). Thành phần Hội đồng đánh giá gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch UBND huyện;
- Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng: Trưởng Phòng Nội vụ;
- Ủy viên Hội đồng kiêm thư ký: Phó Trưởng Phòng Nội vụ phụ trách lĩnh vực;
- Các Ủy viên Hội đồng gồm người đứng đầu các cơ quan: Văn phòng HĐND&UBND huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Tư pháp, Phòng Văn hóa và Thông tin, Thanh tra huyện;

- Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tự đánh giá theo các tiêu chí quy định.

- Đánh giá, chấm điểm đối với các tiêu chí theo Phụ lục kèm theo Quy định này.
- Thẩm định, xem xét quy trình, thủ tục, kết quả chấm điểm trình Chủ tịch UBND huyện xét duyệt công nhận, xếp loại các cơ quan, đơn vị theo Điều 6 của Quy định này.

- Giúp Chủ tịch UBND huyện chuẩn bị nội dung báo cáo kết quả xếp loại của các cơ quan, đơn vị.

3. Tổ Thư ký giúp việc của Hội đồng

- Tổ Thư ký giúp việc Hội đồng đánh giá do Chủ tịch Hội đồng quyết định thành lập, thành phần gồm:

- Tổ trưởng: Phó Trưởng Phòng Nội vụ phụ trách lĩnh vực - Ủy viên Hội đồng;
- Các thành viên: Chuyên viên của các cơ quan: Văn phòng HĐND&UBND huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Nội vụ, Phòng Tư pháp, Phòng Văn hóa và Thông tin, Thanh tra huyện.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ Thư ký giúp việc: Thẩm định, rà soát, tổng hợp kết quả tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của các cơ quan, đơn vị, đối chiếu với các tiêu chí đánh giá tại Quy định này; đề xuất với Hội đồng đánh giá kết quả thẩm định (*điểm theo tiêu chí, điểm cộng, điểm trừ*) đối với các cơ quan, đơn vị; dự thảo báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của các cơ quan, đơn vị.

Điều 9. Quy trình đánh giá

1. Tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại

Các cơ quan, đơn vị tiến hành tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm của cơ quan, đơn vị mình theo quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này và gửi hồ sơ về các cơ quan thành viên Hội đồng.

2. Tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại của các cơ quan, đơn vị

a) Trên cơ sở báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại của các cơ quan, đơn vị của Tổ Thư ký giúp việc, Hội đồng có trách nhiệm tổ chức thẩm định và báo cáo UBND huyện về kết quả thẩm định, đồng thời đề xuất việc xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

b) Cơ sở để thẩm định

- Báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại của các cơ quan, đơn vị.
- Tài liệu kiểm chứng kết quả tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại theo các tiêu chí quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này, gồm: Các văn bản pháp luật, văn bản giao nhiệm vụ; văn bản, tài liệu kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và kết quả hoạt động, quản lý điều hành, thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

3. Xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ

UBND huyện xem xét, quyết định xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ và thông báo kết quả xếp loại đến các cơ quan, đơn vị.

Điều 10. Hồ sơ đề nghị xếp loại của các cơ quan, đơn vị

1. Báo cáo của cơ quan, đơn vị về kết quả tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

2. Tài liệu kiểm chứng kết quả tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại theo các tiêu chí quy định tại Phụ lục gồm: Các văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực phụ trách triển khai thực hiện trong năm, văn bản giao nhiệm vụ; các văn bản sản phẩm đầu ra của nhiệm vụ được giao; văn bản, tài liệu kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và kết quả hoạt động, quản lý điều hành, thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị...

Tài liệu kiểm chứng phải thể hiện rõ số liệu, mức độ đạt được, được đóng dấu đỏ hoặc chữ ký số theo quy định; tài liệu từ 03 trang trở lên thì báo cáo phải ghi rõ nội dung thể hiện ở số trang, thứ tự dòng của văn bản. Tài liệu mật được sao gửi bằng đường công văn đến cơ quan thẩm định; đơn vị viện lý do vì tài liệu mật nên không cung cấp tài liệu kiểm chứng thì không thẩm định đạt điểm.

Điều 11. Hồ sơ trình UBND huyện của Hội đồng thẩm định

1. Tờ trình đề nghị UBND huyện xếp loại.
2. Biên bản họp Hội đồng thẩm định (Kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định).

Điều 12. Chế độ khen thưởng và chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị

1. Kết quả đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các cơ quan, đơn vị là tiêu chí quan trọng để xếp loại thi đua, khen thưởng; xem xét trách nhiệm người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Các cơ quan, đơn vị được xếp loại đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên được xem xét khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng; cán bộ, công chức lãnh đạo được xem xét nâng lương trước thời hạn theo quy định.

2. Xem xét, xử lý: Các cơ quan, đơn vị có 02 năm xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ, UBND huyện sẽ xem xét trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó liên quan của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đó và đề nghị bố trí công tác khác đối với người đứng đầu, cấp phó liên quan của người đứng đầu cơ quan, đơn vị theo quy định hiện hành của pháp luật.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Thời gian thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị: Tự đánh giá, chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và gửi báo cáo tự đánh giá chấm điểm đến các cơ quan: Văn phòng HĐND&UBND huyện, Phòng Nội vụ, Phòng Tư pháp, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Văn hóa và Thông tin, Thanh tra huyện chậm nhất vào **ngày 01/12** hàng năm (riêng năm 2023 chậm nhất vào **ngày 19/12/2023**). Số liệu năm đánh giá được tính đến **15/11** hàng năm và ước tính thực hiện các nhiệm vụ còn lại đến **31/12 hàng năm**. Đối với một số nhiệm vụ đánh giá theo báo cáo năm thì lấy kết quả của năm trước liền kề.

Sau thời gian quy định, nếu cơ quan, đơn vị nào không gửi hồ sơ đề nghị xếp loại thì xem như không có kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của năm đó.

2. Các cơ quan thành viên Hội đồng: Thẩm định, tổng hợp kết quả đánh giá, chấm điểm theo lĩnh vực phụ trách gửi về Hội đồng thẩm định (qua Phòng Nội vụ) chậm nhất vào ngày **10/12 hàng năm** (riêng năm 2023 chậm nhất vào ngày **29/12/2023**).

3. Tổ thư ký giúp việc của Hội đồng: Thẩm định, rà soát, hoàn thành tổng hợp kết quả đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị chậm nhất vào ngày **15/12** hàng năm (riêng năm 2023 chậm nhất vào ngày **08/01/2024**).

4. Các cơ quan, đơn vị cung cấp bổ sung hồ sơ trong vòng **02 ngày** sau khi có văn bản yêu cầu của Hội đồng thẩm định.

5. Hội đồng đánh giá: Tổ chức họp thẩm định, trình UBND huyện xem xét, phê duyệt kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị **chậm nhất vào ngày 25/12** hàng năm (riêng năm 2023 chậm nhất vào ngày **22/01/2024**).

6. UBND huyện xem xét và ban hành quyết định kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan chậm nhất vào ngày **31/12** hàng năm (riêng năm 2023 chậm nhất vào ngày **31/01/2024**).

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị:

a) Tổ chức triển khai, quán triệt quy định này đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc cơ quan, đơn vị mình.

b) Hàng năm chịu trách nhiệm triển khai, thực hiện tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, gửi báo cáo theo quy định.

c) Trên cơ sở kết quả xếp loại theo Quyết định công bố của Chủ tịch UBND huyện, các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch và báo cáo UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) kết quả thực hiện khắc phục các tồn tại, hạn chế để cải thiện tốt nhiệm vụ công tác của năm tiếp theo.

2. Hội đồng có trách nhiệm tổ chức, đánh giá, chấm điểm và xếp loại các cơ quan, đơn vị báo cáo UBND huyện.

3. Phòng Nội vụ và các cơ quan thành viên Hội đồng thẩm định, Tổ thư ký giúp việc

a) Thực hiện xem xét hồ sơ, thu thập thông tin tài liệu để xác định điểm số các tiêu chí, nội dung thành phần một cách khoa học, khách quan, chính xác đối với hồ sơ tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị.

b) Tổng hợp kết quả rà soát, thẩm định báo cáo Hội đồng thẩm định.

c) Tổ chức kiểm tra, phúc tra thực tế tại cơ quan, đơn vị khi cần thiết hoặc theo đề nghị của cơ quan, đơn vị theo thời gian quy định.

d) Chuẩn bị nội dung công bố kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm gửi UBND huyện.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) để xem xét, sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế./.

Phụ lục
Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với các cơ quan, đơn vị
thuộc UBND huyện Hướng Hóa
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023
của UBND huyện Hướng Hóa)

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Đơn vị thẩm định
I	Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao	50	
1	Thực hiện các nhiệm vụ theo Chương trình công tác trọng tâm của UBND huyện	10	Văn phòng HĐND và UBND huyện
2	Thực hiện các nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao	12	Văn phòng HĐND và UBND huyện
a	Các nhiệm vụ được đánh giá trên phần mềm (bao gồm các nhiệm vụ theo thông báo kết luận của Chủ tịch UBND huyện và các Phó Chủ tịch UBND huyện) các nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành từ ngày 15/12 của năm trước liền kề đến ngày 14/12 của năm đánh giá (<i>hoàn thành nhiệm vụ từ 90% trở lên: 6 điểm; từ 80 đến dưới 90%: 3 điểm; dưới 80%: 0 điểm</i>)	6	
b	Các nhiệm vụ không đánh giá trên phần mềm (<i>hoàn thành nhiệm vụ từ 90% trở lên: 6 điểm; từ 80 đến dưới 90%: 3 điểm; dưới 80%: 0 điểm</i>)	6	
3	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ đúng quy định về nội dung và thời gian và các báo cáo thực hiện Chương trình công tác trọng tâm; Chương trình hành động của UBND huyện giao	5	Văn phòng HĐND và UBND huyện
4	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu liên quan đến kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của UBND huyện giao theo lĩnh vực phụ trách (<i>các cơ quan, đơn vị không được giao thì trừ điểm của tiêu chí này vào điểm tổng</i>)	5	Phòng Tài chính - Kế hoạch
5	Triển khai, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản mới ban hành của cấp trên (Luật, văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Bộ, ngành Trung ương, cấp tỉnh, Huyện ủy, HĐND, UBND huyện) về lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị	4	Phòng Nội vụ
6	Ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý	3	Phòng Tư pháp
a	Ban hành kế hoạch đúng quy định về nội dung và thời gian	1	
b	Kết quả thực hiện so với kế hoạch	1	
c	Báo cáo đầy đủ, đúng quy định (B/c định kỳ và đột xuất)	1	

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Đơn vị thẩm định
7	Khắc phục các nội dung thực hiện trong năm theo kết luận của các đoàn thanh tra, kiểm tra tại đơn vị (<i>trong năm nếu cơ quan, đơn vị không có nội dung được thanh tra, kiểm tra thì trừ điểm của tiêu chí này vào điểm tổng</i>)	3	Các cơ quan, đơn vị phụ trách
8	Giải ngân vốn đầu tư công (Hồ sơ quyết toán đúng quy định theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP của Chính phủ) Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt 100% thì đạt điểm tối đa; đạt từ 70% trở lên tính theo công thức: Tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa/100%; Đạt dưới 70%: 0 điểm (Các cơ quan, đơn vị không được giao giải ngân vốn đầu tư công thì trừ điểm của tiêu chí này vào điểm tổng)	3	Phòng Tài chính - Kế hoạch
9	Ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan HCNN (<i>Theo Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 12/3/2021 của UBND huyện về ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước huyện Hướng Hóa năm 2021 và giai đoạn 2021-2025</i>)	5	Văn phòng HĐND và UBND huyện
a	- Hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng, trừ hồ sơ xử lý theo văn bản mật (Theo quy trình từ nhận văn bản, xử lý văn bản đến trình xử lý văn bản và ký số trên môi trường mạng)	2,5	
	Đạt từ 90% trở lên: 2,5 điểm; đạt 80% đến 90%: 2 điểm; đạt dưới 80%: 0 điểm (<i>Tính điểm theo công thức: Tỷ lệ % thực hiện x điểm tối đa/100</i>)		
b	Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:	2,5	
-	Tỷ lệ thực hiện DVCTT triển khai trên Cổng DVC của huyện	0,5	
	Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó:		
	A là tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết;		
	b là Tổng số DVCTT toàn trình và một phần đã đăng ký triển khai trên cổng DVC huyện		
	Nếu b/a<0.8 thì điểm đánh giá là 0		
-	Tỷ lệ hồ sơ DVC trực tuyến	0,5	
	Tính theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó:		
	a là tổng số hồ sơ trực tiếp và trực tuyến của toàn bộ TTHC		
	b là hồ sơ trực tuyến của các DVCTT toàn trình và một phần		
	Nếu b/a<0.3 thì điểm đánh giá là 0		
-	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	0,5	

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Đơn vị thẩm định
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó:		
	a là tổng số dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần		
	b là số lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình		
	Nếu $b/a < 0.4$ thì điểm đánh giá là 0		
-	Tỷ lệ DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	0,5	
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó:		
	a là tổng số DVCTT toàn trình và một phần có phát sinh hồ sơ		
	b là số lượng DVCTT toàn trình và một phần có phát sinh hồ sơ trực tuyến		
-	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	0,5	
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó:		
	a là tổng số hồ sơ cả trực tuyến và trực tiếp của các DVCTT toàn trình		
	b là số hồ sơ trực tuyến của các DVCTT toàn trình		
II	Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính	20	
1	Có giải pháp, sáng kiến mới áp dụng trong CCHC tại cơ quan, đơn vị	3	Phòng Nội vụ
2	Giải quyết hồ sơ TTHC đúng hạn tính điểm theo công thức: tỷ lệ hồ sơ đúng và trước hạn * điểm tối đa	5	Văn phòng HĐND và UBND huyện
3	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về TTHC đúng quy định về nội dung và thời gian trên hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ	5	Văn phòng HĐND và UBND huyện
4	Thực hiện ký số văn bản đạt 90% trở lên: đạt điểm tối đa 05 điểm; dưới 90%: không đạt điểm	5	Phòng Văn hóa và Thông tin
5	Cập nhật, đối soát thông tin của cơ quan, đơn vị, cá nhân CBCCVC lên hệ thống ccvc@quangtri.gov.vn đảm bảo đầy đủ, đối soát chính xác đạt 02 điểm; đảm bảo đầy đủ nhưng không đối soát thông tin chính xác 01 điểm	2	Phòng Nội vụ
III	Kết quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại	5	Thanh tra huyện

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Đơn vị thẩm định
1	Tổ chức công tác tiếp công dân theo quy định (các trường hợp không được quy định tại các điểm d, khoản 1 và khoản 3, Điều 4 của Luật Tiếp công dân thì trừ vào điểm tổng) <i>(Nếu trong năm không có công dân trực tiếp đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thì trừ điểm của tiêu chí này vào điểm tổng)</i>	2	
2	Giải quyết đơn thư khiếu nại thuộc thẩm quyền <i>(nếu trong năm không nhận được đơn, thư thuộc thẩm quyền thì trừ điểm của tiêu chí này vào điểm tổng)</i>	3	
a	Tiếp nhận và xử lý đơn thư thuộc thẩm quyền (Tỷ lệ đơn thư được giải quyết/Đơn thư tiếp nhận đúng thẩm quyền giải quyết)	1,5	
b	Kết quả giải quyết đơn thư (Tỷ lệ đơn thư giải quyết đúng quy định pháp luật được đối tượng tuân thủ thực hiện/Tổng số đơn thư được giải quyết); Đồng thời các đơn thư giải quyết không dứt điểm, để khiếu nại nhiều lần hoặc vượt cấp bị trừ điểm ở mục điểm trừ.	1,5	
IV	Thực hiện quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị và kỷ luật, kỷ cương hành chính	15	
1	Ban hành Kế hoạch và thực hiện các quy định về quy chế dân chủ (bao gồm cả quy chế chi tiêu nội bộ, hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân), công tác dân vận chính quyền.	5	Phòng Nội vụ
a	Ban hành kế hoạch đúng thời gian và yêu cầu quy định	2,5	
b	Kết quả thực hiện (theo báo cáo năm trước liền kề)	2,5	
2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở và sử dụng hiệu quả thời gian làm việc	4	Phòng Nội vụ
3	Kết quả thực hiện các quy định về phòng chống tham nhũng <i>(Báo cáo công tác phòng chống tham nhũng và kết quả thực hiện theo kế hoạch, theo báo cáo năm trước liền kề)</i>	3	Thanh tra huyện
4	Kết quả thực hiện các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí <i>(Báo cáo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và kết quả thực hiện theo kế hoạch, theo báo cáo năm trước liền kề)</i>	3	Phòng Tài chính - Kế hoạch
V	Điểm cộng	10	

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Đơn vị thẩm định
1	Có thành tích xuất sắc hoặc có sáng kiến, giải pháp mới trong thực hiện nhiệm vụ mang lại hiệu quả cao trong quản lý nhà nước, thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng để giải ngân vốn đầu tư công, cải thiện và nâng cao các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cải cách hành chính, hiệu quả quản trị hành chính công, sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, ứng dụng công nghệ thông tin phát triển chính quyền số, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện và địa phương được UBND huyện ghi nhận (<i>mỗi sáng kiến, giải pháp hoặc đề xuất được cộng 3 điểm, tổng điểm cộng không quá 6 điểm</i>)	6	
2	Các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng và trước hạn 100% tất cả các nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao	2	
3	Giải ngân vốn đầu tư công của năm trước liền kề đối với các đơn vị thực hiện chưa đạt 100% tại thời điểm đánh giá (mốc thời gian 31/01 của năm sau theo quy định): Các đơn vị giải ngân đạt 100%	2	
VI	Điểm trừ		
1	Tham mưu ban hành hoặc ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, bãi bỏ bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền, mỗi văn bản trừ 3 điểm		
2	Cơ quan, đơn vị bị Chủ tịch UBND huyện, hoặc cấp có thẩm quyền phê bình, khiển trách, nhắc nhở bằng văn bản trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, mỗi lần trừ 3 điểm		
3	Cơ quan, đơn vị có đơn, thư khiếu nại thuộc thẩm quyền mà không giải quyết hoặc có giải quyết nhưng không kịp thời, không thỏa đáng dẫn đến đơn thư khiếu nại vượt cấp (<i>trừ đơn, thư nặc danh</i>) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn, thư khiếu nại phản ánh, mỗi trường hợp trừ 3 điểm, đúng 01 phần trừ 1,5 điểm		
4	Cơ quan, đơn vị không tập trung giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền, dẫn đến có đơn thư khiếu kiện đông người (từ 05 người trở lên) lên cấp huyện, tỉnh, trung ương, mỗi trường hợp trừ 5 điểm		
5	Cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan và các đơn vị trực thuộc vi phạm trong thi hành công vụ, đạo đức lối sống, những điều đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức không được làm, pháp luật của nhà nước, bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên: Cán bộ lãnh đạo cấp Phòng và tương đương: Mỗi trường hợp trừ 3 điểm; cán bộ, công chức, viên chức còn lại: Điểm trừ tính theo tỷ lệ của mỗi đối tượng		
	TỔNG CỘNG: I+II+III+IV+V+VI	100	